

TẬP ĐOÀN DỆT MAY VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY CP DỆT MAY HOÀ THỌ  
☸☸☸

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC  
☸☸☸



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2020

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM





**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2020**



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 30 tháng 7 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đức Trí  
Ông Phạm Văn Tân  
Bà Trần Tường Anh  
Ông Nguyễn Ngọc Bình  
Ông Lê Quốc Ân  
Ông Nguyễn Văn Hải

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên (từ ngày 26/6/2020)

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Kim Khanh  
Bà Nguyễn Thị Huệ  
Ông Nguyễn Thanh Sơn  
Ông Nguyễn Ngọc Cách

Trưởng ban (từ ngày 26/6/2020)  
Trưởng ban (đến ngày 25/6/2020)  
Thành viên  
Thành viên

**Ban điều hành**

Ông Nguyễn Văn Hải  
  
Ông Nguyễn Đức Trí  
Bà Hoàng Thùy Oanh  
Bà Trần Tường Anh  
Ông Nguyễn Ngọc Bình  
Bà Trần Thị Hòa Châu  
  
Ông Phạm Ngọc Trung  
Ông Phan Văn Phước  
Ông Phan Quang Long  
Ông Nguyễn Phước Hoàng  
Ông Nguyễn Văn Cường  
  
Bà Nguyễn Thị Tường Long

Tổng Giám đốc (từ ngày 1/8/2020)  
Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/7/2020)  
Tổng Giám đốc (đến ngày 31/7/2020)  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/8/2020)  
Giám đốc điều hành (đến ngày 31/7/2020)  
Giám đốc điều hành  
Giám đốc điều hành  
Giám đốc điều hành  
Giám đốc điều hành (từ ngày 1/8/2020)  
Giám đốc điều hành (từ ngày 1/1/2020)  
Kế toán trưởng (đến ngày 30/6/2020)  
Kế toán trưởng (từ ngày 1/7/2020)

**Trụ sở đăng ký**

36 Phố Ông Ích Đường  
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ  
Thành phố Đà Nẵng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 52 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số:..... Quyển số: 01/202...-SCT/BS  
002401

Ngày 08-06-2023

**PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



**Trần Thị Bảo Khuyên**

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 3 năm 2021



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các **Cổ đông**  
**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 3 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 52.

### Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 20-02-00270-21-2



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3073-2019-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2021

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>963.187.373.809</b>	<b>948.102.310.710</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>44.218.004.444</b>	<b>30.303.763.991</b>
Tiền	111		15.009.004.444	27.303.763.991
Các khoản tương đương tiền	112		29.209.000.000	3.000.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>24.357.800.000</b>	<b>15.283.145.329</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	24.357.800.000	15.283.145.329
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>343.222.650.824</b>	<b>247.340.784.379</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	327.938.419.824	211.013.119.950
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.160.599.151	18.131.984.326
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		591.200.000	611.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	5.974.469.386	23.768.810.817
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(6.477.312.214)	(6.184.330.714)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		35.274.677	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>514.036.868.557</b>	<b>616.188.431.966</b>
Hàng tồn kho	141		519.167.562.134	616.665.418.119
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.130.693.577)	(476.986.153)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>37.352.049.984</b>	<b>38.986.185.045</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	8.649.177.117	10.470.773.328
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		28.694.650.370	28.487.003.763
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(a)	8.222.497	28.407.954

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>788.049.995.316</b>	<b>824.398.791.588</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.165.096.000</b>	<b>4.384.390.930</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		710.200.000	1.010.200.000
Phải thu dài hạn khác	216		454.896.000	3.374.190.930
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>737.825.704.383</b>	<b>743.070.261.946</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	736.529.984.178	741.595.385.797
Nguyên giá	222		1.796.593.958.831	1.672.676.992.315
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.060.063.974.653)	(931.081.606.518)
Tài sản cố định vô hình	227	12	1.295.720.205	1.474.876.149
Nguyên giá	228		11.224.929.405	10.402.507.069
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.929.209.200)	(8.927.630.920)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.180.723.801</b>	<b>35.047.117.854</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	4.180.723.801	35.047.117.854
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>14.873.729.511</b>	<b>14.007.853.365</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	13.610.295.734	12.651.253.473
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(b)	(6.492.268.223)	(6.399.102.108)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>30.004.741.621</b>	<b>27.889.167.493</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	29.934.698.270	27.679.037.447
Lợi thế thương mại	269	15	70.043.351	210.130.046
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>1.751.237.369.125</b>	<b>1.772.501.102.298</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

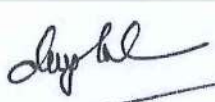
**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.273.247.562.149</b>	<b>1.291.040.687.666</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>946.954.491.262</b>	<b>911.787.999.256</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	216.717.707.406	231.456.590.694
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		34.759.801.430	6.028.276.935
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(b)	11.277.924.437	8.967.091.774
Phải trả người lao động	314		243.297.137.352	300.612.523.921
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	4.356.215.044	4.752.724.114
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.090.909.090	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	20.644.188.608	16.723.081.710
Vay ngắn hạn	320	20(a)	342.246.816.537	273.060.607.020
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		40.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	72.523.791.358	70.187.103.088
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>326.293.070.887</b>	<b>379.252.688.410</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		10.740.759.952	11.889.559.587
Vay dài hạn	338	20(b)	315.552.310.935	367.363.128.823
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>477.989.806.976</b>	<b>481.460.414.632</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>477.989.806.976</b>	<b>481.460.414.632</b>
Vốn cổ phần	411	23	225.000.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	131.581.249.354	113.283.038.700
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		93.703.298.049	116.974.532.760
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		32.966.962.290	622.452.819
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		60.736.335.759	116.352.079.941
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		27.705.259.573	26.202.843.172
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.751.237.369.125</b>	<b>1.772.501.102.298</b>

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:

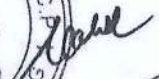


Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên



Nguyễn Thị Tường Long  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Văn Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	3.257.213.652.230	4.254.526.901.893
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		949.307.105	919.769.881
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>3.256.264.345.125</b>	<b>4.253.607.132.012</b>
Giá vốn hàng bán	11		2.992.286.488.413	3.905.682.938.627
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>263.977.856.712</b>	<b>347.924.193.385</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	23.983.157.688	25.720.083.486
Chi phí tài chính	22	29	29.793.279.117	42.258.329.331
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		21.998.913.372	36.226.973.281
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.566.042.261	2.927.659.231
Chi phí bán hàng	25	30	81.032.237.120	87.658.706.345
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	109.525.490.949	123.726.790.818
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>70.176.049.475</b>	<b>122.928.109.608</b>
Thu nhập khác	31	32	2.916.587.176	2.071.550.925
Chi phí khác	32	33	2.973.084.236	2.304.250.153
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(56.497.060)</b>	<b>(232.699.228)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>70.119.552.415</b>	<b>122.695.410.380</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	7.880.800.255	6.042.260.733
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>62.238.752.160</b>	<b>116.653.149.647</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (trạng trước mang sang)	60		62.238.752.160	116.653.149.647
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông của công ty mẹ	61		60.736.335.759	120.645.608.015
Cổ đông không kiểm soát	62		1.502.416.401	(3.992.458.368)
				<b>Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	2.587	4.942

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
 Chuyên viên

Người duyệt:





Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		70.119.552.415	122.695.410.380
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		145.811.183.461	169.157.547.325
Các khoản dự phòng	03		5.079.855.039	739.859.746
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		329.676.891	(730.818.875)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.679.462.983)	(5.179.245.988)
Chi phí lãi vay	06		21.998.913.372	36.226.973.281
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>237.659.718.195</b>	<b>322.909.725.869</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(95.813.054.131)	3.427.125.402
Biến động hàng tồn kho	10		97.497.855.985	179.075.596.536
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(40.538.752.206)	25.629.979.179
Biến động chi phí trả trước	12		568.641.759	(2.563.942.111)
			<b>199.374.409.602</b>	<b>528.478.484.875</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(22.055.570.691)	(36.564.368.059)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.821.726.215)	(6.608.323.686)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		280.116.099	310.144.999
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.402.787.645)	(7.590.905.632)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>163.374.441.150</b>	<b>478.025.032.497</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(105.306.693.834)	(116.460.287.528)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		917.603.454	302.999.999
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(28.305.000.000)	(1.567.465.246)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		19.550.345.329	825.300.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		2.196.045.600	1.781.745.500
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(110.947.699.451)</b>	<b>(115.117.707.275)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

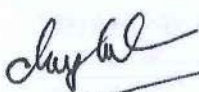
**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2020 VND	2019 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	30.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		2.485.252.609.328	2.948.315.335.828
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.467.822.769.452)	(3.250.276.866.284)
Tiền trả cổ tức	36		(56.058.350.947)	(56.161.728.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(38.628.511.071)</b>	<b>(358.093.258.956)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>13.798.230.628</b>	<b>4.814.066.266</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		30.303.763.991	25.052.150.214
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		116.009.825	437.547.511
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>44.218.004.444</b>	<b>30.303.763.991</b>

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

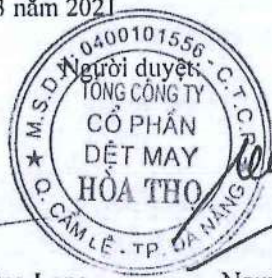
Người lập:


  
 \_\_\_\_\_

Đặng Thị Oanh Nữ  
 Chuyên viên

  
 \_\_\_\_\_

Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng



  
 \_\_\_\_\_

Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính**

Đại dịch Covid-19 được xác nhận lần đầu tiên tại Việt Nam tại ngày 23 tháng 1 năm 2020. Chính phủ Việt Nam đã thực hiện nhiều biện pháp ngăn chặn, trong đó có việc thực hiện cách ly xã hội từ ngày 1 tháng 4 năm 2020. Từ ngày 23 tháng 4 năm 2020, Việt Nam cơ bản đã dừng cách ly xã hội và các hoạt động kinh tế, xã hội trong nước đã dần quay lại trạng thái bình thường. Tuy nhiên, số ca lây nhiễm trên toàn thế giới vẫn tiếp tục gia tăng trong năm 2020. Ngày 28 tháng 1 năm 2021, dịch Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Quảng Ninh và Hải Dương, và lan sang một số tỉnh thành khác. Đại dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của nhiều doanh nghiệp ở nhiều ngành nghề khác nhau. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phụ thuộc vào diễn biến của dịch bệnh trong tương lai bao gồm thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh và các thông tin không thể dự đoán chắc chắn được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(e) Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT		Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty		Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty	
		31/12/2020	1/1/2020	31/12/2020	1/1/2020
<b>Công ty con</b>					
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	76,88%	76,88%	76,88%	76,88%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	54,18%	54,18%	54,18%	54,18%
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	81,73%	81,73%	81,73%	81,73%
4	Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	74,49%	74,49%	74,49%	74,49%
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	100%	100%	100%	100%
<b>Công ty liên kết</b>					
1	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	32,14%	32,14%	32,14%	32,14%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng Công ty và các công ty con có 9.768 nhân viên (1/1/2020: 10.264 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

**(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các câu phần vốn chủ sở hữu khác trong báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu hợp nhất.

## **Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp đến, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

#### **(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết này.

#### **(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (xem Thuyết minh 3(k)). Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Các khoản đầu tư**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty hoặc các công ty con tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm tại đơn vị nhận đầu tư so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty và các công ty con. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(k) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

***Chi phí bảo hành***

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

**(n) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

***(i) Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(q) Thuê tài sản**

***Các khoản thanh toán tiền thuê***

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty sau khi trừ số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Báo cáo bộ phận**

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Vương quốc Anh
- Các vùng khác

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>								
Tổng doanh thu của bộ phận	839.318.656	424.617.148	446.620.667	390.198.760	226.428.715	9.854.846	920.174.860	3.257.213.652
Kết quả kinh doanh của bộ phận	53.328.988	50.204.096	31.596.300	33.591.975	19.774.758	432.940	75.048.800	263.977.857
Thu nhập không phân bổ								26.549.200
Chi phí không phân bổ								220.351.008
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								70.176.049
Thu nhập khác								2.916.587
Chi phí khác								2.973.084
Thuế thu nhập doanh nghiệp								7.880.800
Lợi nhuận thuần sau thuế								62.238.752



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>								
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	93.403.000	103.797.000	27.357.000	29.758.000	22.659.420	-	50.964.000	327.938.420 1.423.298.949
Tổng tài sản								<u>1.751.237.369</u>
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	34.521.000	143.000	-	-	9.327.561	-	1.509.000	45.500.561 1.227.747.001
Tổng nợ phải trả								<u>1.273.247.562</u>
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>								
Chi tiêu vốn								105.306.694
Khấu hao tài sản cố định hữu hình								144.581.908
Khấu hao tài sản cố định vô hình								1.001.578

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>								
Tổng doanh thu của hộ phận	1.300.534.177	852.565.457	426.805.556	344.891.845	176.874.358	54.785.978	1.098.069.531	4.254.526.902
Kết quả kinh doanh của hộ phận	67.913.864	107.646.527	34.711.092	13.384.054	53.835.450	2.146.857	68.286.349	347.924.193
<hr/>								
Thu nhập không phân bổ								28.647.743
Chi phí không phân bổ								253.643.826
<hr/>								
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh								122.928.110
<hr/>								
Thu nhập khác								2.071.551
Chi phí khác								2.304.250
Thuế thu nhập doanh nghiệp								6.042.261
<hr/>								
Lợi nhuận thuần sau thuế								116.653.150
<hr/>								

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
<b>Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>								
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	64.745.149	41.275.317	19.469.653	35.690.405	15.759.601	-	34.072.995	211.013.120 1.561.487.982
Tổng tài sản								<u>1.772.501.102</u>
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	13.449.007	-	-	-	2.940.267	-	1.528.563	17.917.837 1.273.122.851
Tổng nợ phải trả								<u>1.291.040.688</u>
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>								
Chi tiêu vốn								116.460.288
Khấu hao tài sản cố định hữu hình								167.673.018
Khấu hao tài sản cố định vô hình								<u>1.256.832</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Tiền mặt	135.106.746	89.791.466
Tiền gửi ngân hàng	14.873.897.698	27.213.972.525
Các khoản tương đương tiền	29.209.000.000	3.000.000.000
	44.218.004.444	30.303.763.991

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng với lãi suất năm từ 3,5% đến 4,0% tại các ngân hàng thương mại (1/1/2020: 5%).

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tiền gửi có kỳ hạn	24.357.800.000	24.357.800.000	15.283.145.329	15.283.145.329
	24.357.800.000		15.283.145.329	

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất năm từ 4,9% đến 6,9% (2019: từ 6,2% đến 7,7%).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Địa chỉ	31/12/2020					1/1/2020				
		Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>											
<b>Công ty liên kết</b>											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	13.610.295.734	-	642.800	32,14%	32,14%	12.438.128.661	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	-	-	400.000	20,00%	20,00%	213.124.812	-
					<u>13.610.295.734</u>	<u>-</u>				<u>12.651.253.473</u>	<u>-</u>
<b>Đơn vị khác</b>											
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(192.268.223)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(99.102.108)
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)
					<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.492.268.223)</u>				<u>7.755.702.000</u>	<u>(6.399.102.108)</u>
					<u>21.365.997.734</u>	<u>(6.492.268.223)</u>				<u>20.406.955.473</u>	<u>(6.399.102.108)</u>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Motives International (Hong Kong) Limited	78.078.624.227	-
Supreme International LLC	44.510.862.972	12.314.022.810
Haggar Clothing Co.	41.683.438.845	17.192.915.288
Haggar Canada Co.	24.148.352.799	10.190.165.438
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	23.171.574.742	34.002.486.819
Kuraray Trading Co., Ltd.	13.948.063.314	14.279.004.420
Destination XL Group Inc	13.065.753.409	6.633.439.143
Motives (Far East) Limited	-	56.398.152.308
Các khách hàng khác	89.331.749.516	60.002.933.724
	327.938.419.824	211.013.119.950

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 23.195 triệu VND (1/1/2020: 184.470 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 20(a)).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	85.771.834	182.883.842
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	104.079.250	-
	189.851.084	182.883.842

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	2.971.547.668	20.270.798.131
Tạm ứng	616.621.254	881.895.839
Phải thu khác	2.386.300.464	2.616.116.847
	<hr/>	<hr/>
	5.974.469.386	23.768.810.817
	<hr/>	<hr/>



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2020				Thời gian quá hạn	1/1/2020		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn									
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-	Từ 1 - 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-	
Công ty TNHH May Phú Tường	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	1.001.605.000	(300.481.500)	701.123.500	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-	
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	60.716.615	(60.716.615)	-	Trên 3 năm	68.216.615	(68.216.615)	-	
		<u>7.178.435.714</u>	<u>(6.477.312.214)</u>	<u>701.123.500</u>		<u>6.184.330.714</u>	<u>(6.184.330.714)</u>	<u>-</u>	

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi

(6.477.312.214)

(6.184.330.714)

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**10. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	65.810.376.595	-	61.917.550.070	-
Nguyên vật liệu	123.585.974.784	-	148.709.503.215	-
Công cụ và dụng cụ	2.273.738.947	-	284.805.348	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	183.730.754.945	-	257.075.276.427	-
Thành phẩm	101.575.566.512	(4.698.180.889)	127.478.095.888	(476.986.153)
Hàng hóa	5.773.108.494	(260.262.823)	4.973.220.043	-
Hàng gửi đi bán	36.418.041.857	(172.249.865)	16.226.967.128	-
	<b>519.167.562.134</b>	<b>(5.130.693.577)</b>	<b>616.665.418.119</b>	<b>(476.986.153)</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có 22.308 triệu VND hàng thành phẩm, hàng hóa và hàng gửi bán (1/1/2020: 2.101 triệu VND hàng thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 399.024 triệu VND (1/1/2020: 283.979 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và công ty con (Thuyết minh 20(a)).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	350.427.812.000	1.179.973.165.577	42.945.649.508	7.651.375.520	91.678.989.710	1.672.676.992.315
Tăng trong năm	659.593.777	13.210.363.785	1.792.620.038	113.000.000	897.240.148	16.672.817.748
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	73.449.649.745	32.120.018.405	17.842.681.438	676.052.346	69.300.000	124.157.701.934
Thanh lý	-	(15.656.872.770)	(64.277.775)	(80.890.945)	-	(15.802.041.490)
Giảm khác	(1.111.511.676)	-	-	-	-	(1.111.511.676)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>423.425.543.846</b>	<b>1.209.646.674.997</b>	<b>62.516.673.209</b>	<b>8.359.536.921</b>	<b>92.645.529.858</b>	<b>1.796.593.958.831</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	136.810.066.027	695.150.874.177	31.262.125.006	6.215.963.991	61.642.577.317	931.081.606.518
Khấu hao trong năm	19.635.752.163	110.004.989.908	3.563.229.905	782.269.185	10.595.666.873	144.581.908.034
Thanh lý	-	(15.469.721.347)	(27.732.754)	(80.890.945)	-	(15.578.345.046)
Giảm khác	(21.194.853)	-	-	-	-	(21.194.853)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>156.424.623.337</b>	<b>789.686.142.738</b>	<b>34.797.622.157</b>	<b>6.917.342.231</b>	<b>72.238.244.190</b>	<b>1.060.063.974.653</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	213.617.745.973	484.822.291.400	11.683.524.502	1.435.411.529	30.036.412.393	741.595.385.797
Số dư cuối năm	267.000.920.509	419.960.532.259	27.719.051.052	1.442.194.690	20.407.285.668	736.529.984.178

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 584.055 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 471.825 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 481.319 triệu VND (1/1/2020: 528.036 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 20(a)) và dài hạn (Thuyết minh 20(b)) của Tổng Công ty và các công ty con.

## **12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	10.402.507.069
Tăng trong năm	822.422.336
Số dư cuối năm	<u>11.224.929.405</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	8.927.630.920
Khấu hao trong năm	1.001.578.280
Số dư cuối năm	<u>9.929.209.200</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	1.474.876.149
Số dư cuối năm	<u>1.295.720.205</u>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 7.674 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 (1/1/2020: 3.963 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2020 VND	2019 VND
Số dư đầu năm	35.047.117.854	1.173.000.428
Tăng trong năm	93.291.307.881	84.085.846.019
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(124.157.701.934)	(50.211.728.593)
Số dư cuối năm	4.180.723.801	35.047.117.854

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Nhà máy May Triệu Phong	2.363.605.351	-
Máy móc thiết bị sợi	575.750.000	4.442.285.100
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Tổng Công ty	-	2.841.983.614
Tổ hợp trung tâm may đo thời trang - showroom - văn phòng cho thuê	-	26.342.272.713
Các công trình khác	1.241.368.450	1.420.576.427
	4.180.723.801	35.047.117.854

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trả trước phí bảo hiểm	1.779.206.472	1.852.472.641
Công cụ và dụng cụ	3.441.985.406	3.432.927.233
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	742.175.166	588.888.888
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.685.810.073	4.596.484.566
	8.649.177.117	10.470.773.328

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	4.103.089.728	14.792.964.019	8.782.983.700	27.679.037.447
Tăng trong năm	-	9.822.658.558	8.109.971.198	17.932.629.756
Phân bổ trong năm	(87.610.452)	(10.921.499.065)	(4.667.859.416)	(15.676.968.933)
Số dư cuối năm	4.015.479.276	13.694.123.512	12.225.095.482	29.934.698.270

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Lợi thế thương mại**

	VND
<b>Giá gốc</b>	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.400.866.953
<b>Giá trị phân bổ lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	1.190.736.907
Phân bổ trong năm	140.086.695
Số dư cuối năm	1.330.823.602
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư đầu năm	210.130.046
Số dư cuối năm	70.043.351

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Viterra B.V	18.528.983.079	-
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	16.754.023.232	34.194.954.604
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	12.453.389.509	8.603.204.098
Hultafors Group AB	12.009.223.239	26.352.941.612
Multi-Fiber Handels GmbH	11.708.726.478	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời Phương Đông	9.363.864.900	-
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	8.354.163.269	10.607.188.352
Motives International (Hong Kong) Limited	7.140.332.328	-
Carreman International Corporation	392.528.610	10.270.057.281
Toyo Cotton (Japan) Co., Ltd	-	16.290.899.039
Các nhà cung cấp khác	120.012.472.762	125.137.345.708
	<b>216.717.707.406</b>	<b>231.456.590.694</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	16.754.023.232	34.194.954.604
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	12.453.389.509	8.603.204.098
<b>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	3.720.306.544	3.719.966.837
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	36.776.600	103.455.000
	<b>32.964.495.885</b>	<b>46.621.580.539</b>

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.843.386	-	(9.609.885)	5.233.501
Thuế thu nhập cá nhân	13.564.568	-	(10.575.572)	2.988.996
	28.407.954	-	(20.185.457)	8.222.497

**(b) Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.148.046.200	112.868.906.539	(111.712.056.807)	8.304.895.932
Thuế nhập khẩu	16.162.399	697.936.125	(560.142.782)	153.955.742
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.669.475.192	7.871.190.370	(6.821.726.215)	2.718.939.347
Thuế thu nhập cá nhân	133.275.533	3.225.976.410	(3.259.512.527)	99.739.416
Tiền thuế đất	-	4.609.513.146	(4.609.513.146)	-
Các loại thuế khác	132.450	2.420.634.317	(2.420.372.767)	394.000
	8.967.091.774	131.694.156.907	(129.383.324.244)	11.277.924.437

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Chi phí hoạt động	2.187.848.437	2.703.714.715
Chi phí lãi vay	333.712.719	390.370.038
Các khoản trích trước khác	1.834.653.888	1.658.639.361
	4.356.215.044	4.752.724.114

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2020</b>	<b>1/1/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	15.406.513.458	11.894.994.367
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	35.015.894	10.333.666
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	168.706.830	195.595.075
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	311.000.301	46.573.547
Cổ tức phải trả	985.785.100	794.136.047
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	763.983.681	755.485.878
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.973.183.344	3.025.963.130
	<b>20.644.188.608</b>	<b>16.723.081.710</b>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2020	Biến động trong năm			31/12/2020
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	212.200.281.473	2.485.252.609.328	(2.404.172.366.426)	375.804.530	293.656.328.905
Vay dài hạn đến hạn trả	60.860.325.547	48.615.797.707	(60.860.325.314)	(25.310.308)	48.590.487.632
	273.060.607.020	2.533.868.407.035	(2.465.032.691.740)	350.494.222	342.246.816.537

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	1,7%	110.137.931.723	70.810.873.842
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	1,9%	60.270.102.318	71.869.050.029
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	3,0%	-	14.267.114.284
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	1,75%	18.590.292.990	8.747.291.103
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	3,0% - 3,3%	23.574.258.147	25.965.119.540
Vay ngân hàng 6 (ii)	USD	1,75%	73.124.475.103	20.360.832.675
Vay ngân hàng 7 (i)	USD	1,6%	7.779.268.624	-
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	10%	180.000.000	180.000.000
			293.656.328.905	212.200.281.473

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 7), hàng tồn kho (Thuyết minh 10) và tài sản cố định của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 11).
- (ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

**(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2020</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2020</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn	364.142.798.567	428.223.454.370
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(48.590.487.632)	(60.860.325.547)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	<u>315.552.310.935</u>	<u>367.363.128.823</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	4,0%	2021	7.265.857.614	21.821.057.092
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,25% - 3,75%	2020	-	2.548.445.228
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	5,0%	2021	629.624.297	1.894.006.713
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5,0%	2021	913.199.685	2.285.470.415
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	5,2% - 5,7%	2022	11.633.967.686	17.630.753.393
Vay ngân hàng 6 (i)	VND	10,4%	2020	-	600.000.000
Vay ngân hàng 7 (i)	USD	5,4%	2025	125.493.891.442	153.415.774.842
Vay ngân hàng 8 (i)	VND	11%	2021	-	1.250.000.000
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	4.640.800.000	9.291.600.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ (iii)	USD	LIBOR + 0,7%	2039	213.565.457.843	217.486.346.687
				364.142.798.567	428.223.454.370

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 11).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2020</b> <b>VND</b>	<b>2019</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	70.187.103.088	53.865.672.577
Trích lập trong năm	9.459.359.816	23.602.191.144
Tăng khác	280.116.099	310.144.999
Sử dụng trong năm	(7.402.787.645)	(7.590.905.632)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>72.523.791.358</b>	<b>70.187.103.088</b>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ  
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019</b>	225.000.000.000	98.179.356.087	95.578.326.576	25.871.773.466	444.629.456.129
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	30.000.000	30.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	120.645.608.015	(3.992.458.368)	116.653.149.647
Phân bổ vào các quỹ	-	15.103.682.613	(15.103.682.613)	-	-
Cổ tức	-	-	(56.250.000.000)	-	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(23.602.191.144)	-	(23.602.191.144)
Biến động do tăng tỷ lệ sở hữu tại một công ty con	-	-	(4.293.528.074)	4.293.528.074	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	225.000.000.000	113.283.038.700	116.974.532.760	26.202.843.172	481.460.414.632
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	60.736.335.759	1.502.416.401	62.238.752.160
Phân bổ vào các quỹ	-	18.298.210.654	(18.298.210.654)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	(56.250.000.000)	-	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.459.359.816)	-	(9.459.359.816)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020</b>	225.000.000.000	131.581.249.354	93.703.298.049	27.705.259.573	477.989.806.976

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

### 23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2020 và 1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.500.000	225.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	31/12/2020 và 1/1/2020		
	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	14.615.621	146.156.210.000	64,96%
Các cổ đông khác	7.884.379	78.843.790.000	35,04%
	22.500.000	225.000.000.000	100%

### 24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

### 25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 56.250 triệu VND cho năm 2019, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (2019: 56.250 triệu VND cho năm 2018, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018).



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Trong vòng một năm	23.123.304.931	22.699.190.756
Trong vòng hai đến năm năm	93.210.006.385	92.392.595.877
Sau năm năm	128.208.179.536	143.821.017.920
	244.541.490.852	258.912.804.553

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	255.149	5.870.047.243	386.277	8.925.783.421
EUR	221	6.180.872	233	6.002.634
		5.876.228.115		8.931.786.055

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2020 VND	1/1/2020 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	51.100.000.000	69.860.000.000

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	2.004.045.600	1.781.745.500
Cổ tức được chia	192.000.000	192.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.725.995.264	22.947.784.162
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	730.818.875
Doanh thu hoạt động tài chính khác	61.116.824	67.734.949
	23.983.157.688	25.720.083.486

**29. Chi phí tài chính**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	21.998.913.372	36.226.973.281
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.371.522.739	6.031.356.050
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	329.676.891	-
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư	93.166.115	-
	29.793.279.117	42.258.329.331

**30. Chi phí bán hàng**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	5.151.533.995	5.593.080.289
Chi phí vật liệu, bao bì	701.855.060	674.947.472
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	653.970.923	264.826.007
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.130.360.645	67.689.618.494
Chi phí khác	12.394.516.497	13.436.234.083
	81.032.237.120	87.658.706.345

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	55.290.601.365	66.439.063.920
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.038.713.840	2.798.245.031
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.600.881.292	9.113.674.407
Thuế, phí và lệ phí	4.046.274.537	3.850.098.444
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	292.981.500	262.873.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.673.206.816	19.606.349.201
Chi phí khác	19.582.831.599	21.656.486.222
	<b>109.525.490.949</b>	<b>123.726.790.818</b>

**32. Thu nhập khác**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	917.375.122	277.841.257
Các khoản thu nhập khác	1.999.212.054	1.793.709.668
	<b>2.916.587.176</b>	<b>2.071.550.925</b>

**33. Chi phí khác**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	1.989.714.367	1.242.889.523
Các khoản chi phí khác	983.369.869	1.061.360.630
	<b>2.973.084.236</b>	<b>2.304.250.153</b>

**34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2020</b>	<b>2019</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.433.887.870.836	2.167.295.013.927
Chi phí nhân viên	947.429.739.396	1.126.263.191.794
Chi phí khấu hao và phân bổ	145.811.183.461	169.157.547.325
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	511.194.477.433	570.287.377.483

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**35. Thuế thu nhập**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	70.119.552.415	122.695.410.380
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	7.011.955.241	12.269.541.038
Ưu đãi thuế	-	(5.215.302.607)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	547.168.029	(557.045.604)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	615.163.969	421.989.242
Chi phí không được khấu trừ thuế	431.456.950	1.888.717.431
Thu nhập không bị tính thuế	(19.200.000)	(19.200.000)
Giảm thuế (*)	(196.814.000)	(664.958.500)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận thuế hoãn lại	161.235.053	(2.196.157.227)
Lỗi tính thuế được sử dụng ở công ty con	(427.603.066)	(876.918.428)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗi tính thuế của năm hiện tại	-	991.595.388
Giảm thuế theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ở công ty con	(242.561.921)	-
	<b>7.880.800.255</b>	<b>6.042.260.733</b>

(\*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

**(b) Thuế suất áp dụng**

**(i) Đối với Tổng Công ty**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Đối với các công ty con**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%.

**36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

(a) **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2020	2019 Đã điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	60.736.335.759	120.645.608.015
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(2.539.695.097)	(9.459.359.816)
<hr/>		
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	58.196.640.662	111.186.248.199
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	22.500.000	22.500.000
<hr/>		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.587	4.942

(\*) Số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi dựa trên ước tính của Ban Giám đốc Tổng Công ty, căn cứ trên tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm 2020.

(b) **Điều chỉnh lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2019. Theo đó, Tổng Công ty đã phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế với số tiền 9.459.359.816 VND. Vì vậy, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu bị thay đổi.

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	2019 (điều chỉnh lại)	2019 (theo báo cáo trước đây)
	VND/cổ phiếu	VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.942	5.164

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2020 VND	2019 VND
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức công bố và đã trả	36.539.052.500	36.539.052.500
Bán hàng hóa và dịch vụ	5.749.949.819	3.806.481.580
Mua hàng hóa và dịch vụ	20.845.459.612	39.084.103.694
Chi phí quản lý và lãi vay	5.217.602.623	8.907.977.164
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	1.352.764.328	1.292.752.188
Mua hàng hóa và dịch vụ	50.604.480.429	70.830.839.993
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	451.519.536	91.907.845
Mua hàng hóa và dịch vụ	78.314.662.576	83.166.271.692
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.607.000.000	1.607.000.000
<b>Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	22.781.193	1.186.842.913
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	17.114.492.603	26.661.513.770
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	108.316.280
Mua hàng hóa và dịch vụ	268.384.183	1.342.000.756
<b>Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	690.415.488
<b>Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	1.716.733.178	1.616.577.496
<b>Thành viên khác trong Ban điều hành</b>		
Tiền lương và thưởng	9.230.408.605	10.135.778.130
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
Lương, thưởng và thù lao	418.068.754	535.082.161
<b>Chủ tịch Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thù lao	595.197.641	133.333.333

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**  
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	2020 VND	2019 VND
Thành viên của Hội đồng Quản trị Thù lao	33.333.334	-
Thành viên của Hội đồng Quản trị Thù lao	66.666.668	66.666.666
Thành viên của Hội đồng Quản trị Thù lao	66.666.668	66.666.666
Thành viên của Hội đồng Quản trị Thù lao và thưởng	338.888.886	290.000.000
Thành viên của Hội đồng Quản trị Thù lao và thưởng	166.666.668	166.666.666

**38. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

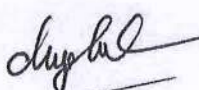
	2020 VND	2019 VND
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	-	192.000.000

**39. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021

Người lập:

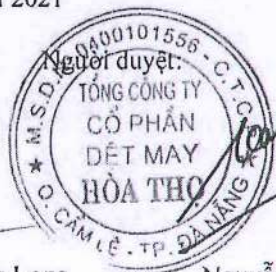



Đặng Thị Oanh Nữ  
 Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long  
 Kế toán trưởng



  
 Nguyễn Văn Hải  
 Tổng Giám đốc







